

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F.17

Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Nha Trang, tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		724,433,180,280	656,293,133,872
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	196,122,518,907	79,007,802,196
1. Tiền	111		181,418,518,907	52,007,802,196
2. Các khoản tương đương tiền	112		14,704,000,000	27,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,200,000,000	41,200,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	21,200,000,000	41,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		364,425,055,203	321,773,973,662
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	343,367,481,938	255,126,953,830
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13,769,570,848	15,215,296,798
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10,513,380,035	53,348,643,273
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3,225,377,618)	(1,916,920,239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		88,645,406,559	168,318,595,992
1. Hàng tồn kho	141	V.7	88,645,406,559	168,318,595,992
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54,040,199,611	45,992,762,022
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1,149,531,453	1,532,203,761
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		51,856,368,212	38,409,739,654
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1,034,299,946	6,050,818,607
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		635,650,505,177	713,277,910,720
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,762,262,968	4,751,177,003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	4,762,262,968	4,751,177,003
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		257,368,671,442	272,357,488,317
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	244,687,336,079	259,365,559,198
- Nguyên giá	222		535,232,423,678	515,841,801,801
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(290,545,087,599)	(256,476,242,603)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12,681,335,363	12,991,929,119
- Nguyên giá	228		15,868,937,376	15,868,937,376
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,187,602,013)	(2,877,008,257)
III. Bất động sản đầu tư	230		184,428,675,042	183,701,402,315
- Nguyên giá	231	V.11	184,428,675,042	183,701,402,315
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4,786,193,949	29,063,611,198
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	4,786,193,949	29,063,611,198
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		164,621,757,842	195,798,643,427
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	162,621,757,842	195,798,643,427
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	2,000,000,000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19,682,943,934	27,605,588,460
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	19,682,943,934	27,605,588,460
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,360,083,685,457	1,369,571,044,592

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		778,709,091,355	781,195,430,218
I. Nợ ngắn hạn	310		778,709,091,355	676,195,430,218
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	303,431,099,290	204,532,949,397
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2,495,933,109	10,004,672
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2,861,881,931	29,984,779,698
4. Phải trả người lao động	314	V.17	13,793,368,000	11,392,819,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	6,497,501,366	5,875,192,264
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a,b	6,033,586,528	7,394,217,539
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	438,888,730,941	406,644,882,685
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	4,706,990,190	10,360,584,963
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	105,000,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	-	105,000,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu trư đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

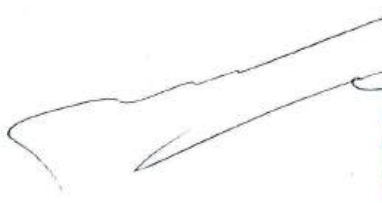
Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		581,374,594,102	588,375,614,374
I. Vốn chủ sở hữu	410		581,374,594,102	588,375,614,374
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	188,000,000,000	188,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188,000,000,000	188,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	19,061,475,633	19,502,027,664
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	332,372,352,386	339,411,607,295
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		357,982,180,582	339,411,607,295
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(25,609,828,196)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	41,940,766,083	41,461,979,415
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,360,083,685,457	1,369,571,044,592

Nha Trang, ngày 24 tháng 01 năm 2025


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng


Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

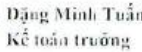
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể phát sinh			
			Quý 4/2024	Quý 4/2023	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	270,656,208,766	274,614,272,640	1,116,364,732,233	985,958,037,115
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	73,384,054	92,023,385	5,332,648,790	5,059,732,397
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		270,582,824,712	274,522,249,255	1,111,032,083,443	980,898,304,718
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	287,857,253,321	259,585,565,126	1,094,687,505,002	950,965,036,962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(17,274,428,609)	14,936,684,129	16,344,578,441	29,933,267,756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	73,543,807,275	14,431,936,248	100,863,707,462	35,461,050,343
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	9,615,974,374	34,939,133,457	56,204,890,852	67,620,881,299
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,115,041,231	7,526,774,721	23,661,429,855	23,707,565,502
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	14,598,268,719	12,237,751,353	58,680,831,315	46,393,787,935
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	15,248,045,349	10,966,341,660	46,158,450,187	39,158,941,385
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16,807,090,224	(28,774,606,093)	(43,835,886,451)	(87,779,292,520)
12. Thu nhập khác	31	VI.8	18,542,819,420	182,438,113	19,749,314,829	590,050,125
13. Chi phí khác	32	VI.9	4,501,642,610	1,367,378,317	4,844,378,730	2,255,510,239
14. Lợi nhuận khác	40		14,041,176,810	(1,184,940,204)	14,904,936,099	(1,665,460,114)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30,848,267,034	(29,959,546,297)	(28,930,950,352)	(89,444,752,634)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.16	2,795,645,312	2,404,226,455	2,795,645,312	2,479,438,786
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28,052,621,722	(32,363,772,752)	(31,726,595,664)	(91,924,191,420)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		30,741,650,438	(29,630,164,214)	(25,297,403,588)	(81,390,037,462)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2,689,028,716)	(2,733,608,538)	(6,429,192,076)	(10,534,153,958)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1,652	(1,595)	(1,362)	(4,348)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1,652	(1,595)	(1,362)	(4,348)


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Nha Trang, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Nguyễn Kiệt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(28,930,950,352)	(89,444,752,634)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10	40,675,257,492	41,230,054,217
- Các khoản dự phòng	03		1,308,457,379	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	1,472,274,418	6,242,333,681
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(78,853,988,112)	5,159,110,128
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	23,661,429,855	23,702,565,502
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(40,667,519,320)	(13,110,689,106)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		47,542,425,438	100,126,750,708
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	79,673,189,433	29,519,415,632
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		91,364,630,041	15,186,480,395
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8a,b	8,305,316,834	8,894,321,853
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18,VI.5	(24,225,540,225)	(23,224,844,549)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(21,138,864,025)	(468,673,161)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(5,966,019,381)	(2,630,383,492)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		134,887,618,795	114,292,378,280
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13,815,203,881)	(30,011,488,756)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,107,239,057	2,441,591,026
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,055,000,000)	(20,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20,055,000,000	21,998,800,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		47,041,646,749	20,232,286,800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a,VI.4	2,171,251,169	2,728,274,194
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		54,504,933,094	(2,610,536,736)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

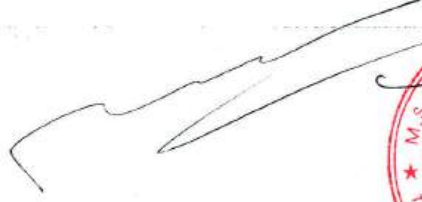
Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	940,503,937,461	983,619,467,289
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(1,013,343,006,521)	(1,157,843,975,411)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(72,839,069,060)	(174,224,508,122)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		116,553,482,829	(62,542,666,578)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	79,007,802,196	141,593,818,838
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		561,233,882	(43,350,064)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	196,122,518,907	79,007,802,196

Nha Trang, ngày 24 tháng 01 năm 2025


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập
Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng
Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản NT có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 43.84% (số đầu năm là 53.09%).

6. Tuyên bố khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1,213 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1,520 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Sở dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn thoái vốn làm mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí mua vùng nuôi tôm, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa, chi phí đền bù và các chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí mua vùng nuôi tôm

Chi phí đền bù đất mua vùng nuôi tôm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất (45 năm).

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí đền bù

Chi phí được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 15
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 31 tháng 07 năm 2023 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các qui định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Tập đoàn đã được hưởng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1,089,835,512	2,305,259,980
Tiền gửi ngân hàng	180,328,683,395	49,702,542,216
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	14,704,000,000	27,000,000,000
Cộng	196,122,518,907	79,007,802,196

Các khoản tương đương tiền được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.20a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	21,200,000,000	21,200,000,000	41,200,000,000	41,200,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	21,200,000,000	21,200,000,000	41,200,000,000	41,200,000,000
Dài hạn	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-
Cộng	23,200,000,000	23,200,000,000	41,200,000,000	41,200,000,000

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.20).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱ⁾	140,451,594,551	-	-	157,749,943,186	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch -	22,170,163,291	-	-	22,170,163,291	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Khoáng nông Nha Trang Seafoods F17 ⁽ⁱⁱ⁾						
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-		15,858,536,950	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	-	-		20,000,000	-	
Cộng	162,621,757,842	-		195,798,643,427	-	

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 8.901.278 cổ phiếu, tương đương 14,17% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF (Số đầu năm Công ty nắm giữ 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,65% vốn điều lệ).

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nông Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22.170.163.291 VND, chiếm 6,3% vốn điều lệ thực góp.

(iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty không còn nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Green World Nha Trang (Số đầu năm, Công ty nắm giữ 1.394.000 cổ phiếu, tương đương 4,1% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.20).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	153,941,152,628	71,081,203,150
Ông Ngô Tuấn Kiệt - Phải thu chuyển nhượng cổ phần	36,200,000,000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF - Phải thu tiền bán cổ phần	13,038,000,000	48,000,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng Nông Nha Trang Seafoods F17 - Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	25,032,000,000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF - Phải thu tiền bán hàng hóa	30,534,020,746	20,681,228,884
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F89	13,285,262,328	762,398,708
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng Nông Nha Trang Seafoods F17 - Phải thu tiền bán hàng, dịch vụ	188,413,758	143,798,758
Công ty Cổ phần Onsen	556,461,020	1,474,804,728
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa	9,043,164	8,828,352

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	5,400,000	-
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	35,092,551,612	10,143,720
Phải thu các khách hàng khác	189,426,329,310	184,045,750,680
Công ty NTSF Company, Inc	33,665,451,574	19,303,893,151
Công ty Seafood Connection BV	45,004,532,379	41,894,488,320
Công ty CP Thực Phẩm CJ Cầu Tre - CN Long An	12,431,005,200	5,149,021,600
Công ty Odin Seafoods Trading APS	9,110,163,150	14,384,640,000
Công ty LP Foods Pte, Ltd	-	13,506,103,920
Công ty NorthCoast Seafoods DK A/S	10,956,330,000	9,600,000,000
Các khách hàng khác	78,258,847,007	80,207,603,689
Cộng	343,367,481,938	255,126,953,830

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (số đầu năm là 255,126,953,830 VND) (xem thuyết minh số V.20).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	5,416,159,408	5,461,528,896
Công ty Cổ Phần Onsen	5,416,159,408	5,461,528,896
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	8,353,411,440	9,753,767,902
Công Ty TNHH Anh Phát	6,430,837,000	5,986,337,600
Công ty TNHH SX TM Hà Tiên	-	1,456,870,000
Công ty TNHH T+ARCHITECTURE	-	1,097,000,000
Các khách hàng khác	1,922,574,440	1,213,560,302
Cộng	13,769,570,848	15,215,296,798

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3,692,996,586	-	46,269,642,046	-
Ông Trần Vĩnh Hưng - Tạm ứng	3,626,888,400	-	46,134,725,400	-
Công ty Cổ phần Thủy sản N'TSF - Tiền chiết khấu bán hàng chi hộ	10,375,657	-	39,816,543	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89 - Tiền chiết khấu bán hàng chi hộ	55,732,529	-	95,100,103	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6,820,383,449	-	7,079,001,227	-
Tạm ứng	4,543,278,752	-	3,828,210,752	-
Kinh phí công đoàn	726,203	-	-	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16,000,000	-	29,016,000	-
Lãi tiền gửi dự thu	180,345,908	-	583,961,644	-
Thuế thu nhập cá nhân	685,168,177	-	675,461,427	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,394,864,409	-	1,962,351,404	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trích lập bổ sung	1,308,457,379	-
Số cuối kỳ	3,225,377,618	1,916,920,239

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14,379,318,086	-	13,476,420,991	-
Công cụ, dụng cụ	171,553,723	-	148,468,054	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,788,988,644	-	-	-
Thành phẩm	72,201,502,077	-	154,608,689,600	-
Hàng hóa	104,044,029	-	85,017,347	-
Cộng	88,645,406,559	-	168,318,595,992	-

Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay tại các Ngân hàng như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	14,379,318,086	13,476,420,991
Công cụ, dụng cụ	171,553,723	148,468,054
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,788,988,644	-
Thành phẩm	72,201,502,077	154,608,689,600
Hàng hóa	104,044,029	85,017,347
Cộng	88,645,406,559	168,318,595,992

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	421,294,917	449,781,109
Chi phí bảo hiểm	416,674,253	592,455,572
Chi phí sửa chữa	311,562,283	489,967,080
Cộng	1,149,531,453	1,532,203,761

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	3,643,614,115	5,816,919,439
Chi phí mua vùng nuôi tôm	12,882,997,507	13,217,620,819
Chi phí công cụ dụng cụ	1,016,567,516	5,291,609,973
Chi phí đền bù	-	405,000,000
Chi phí sửa chữa	1,700,683,373	1,446,347,351
Chi phí khác	439,081,423	1,428,090,878
Cộng	19,682,943,934	27,605,588,460

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	254,671,733,383	213,505,105,749	45,302,102,802	870,809,867	1,492,050,000	515,841,801,801
Mua trong kỳ	160,225,000	492,157,812	-	-	-	652,382,812
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29,513,468,042	9,554,831,986	-	207,377,667	95,545,926	39,371,223,621
Thanh lý, nhượng bán	(9,760,976,604)	(7,033,675,229)	(3,171,097,130)	(207,377,667)	(95,545,926)	(20,268,672,556)
Giảm khác	(364,312,000)	-	-	-	-	(364,312,000)
Số cuối kỳ	274,220,137,821	216,518,420,318	42,131,005,672	870,809,867	1,492,050,000	535,232,423,678
Trong đó:						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3,319,129,161	58,653,240,505	8,024,075,867	305,716,838	-	70,302,162,371
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	87,301,910,433	139,139,095,198	28,928,362,434	640,762,039	466,112,499	256,476,242,603
Khấu hao trong kỳ	20,136,880,796	16,466,376,236	3,595,501,255	123,485,469	152,190,810	40,474,434,566
Thanh lý, nhượng bán	(145,469,591)	(3,080,852,598)	(3,171,097,130)	(5,184,441)	(2,985,810)	(6,405,589,570)
Số cuối kỳ	107,293,321,638	152,524,618,836	29,352,766,559	759,063,067	615,317,499	290,545,087,599
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	167,369,822,950	74,366,010,551	16,373,740,368	230,047,828	1,025,937,501	259,365,559,198
Số cuối kỳ	166,926,816,183	63,993,801,482	12,778,239,113	111,746,800	876,732,501	244,687,336,079
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 95,113,684,077 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	15,456,937,376	412,000,000	15,868,937,376
Số cuối kỳ	15,456,937,376	412,000,000	15,868,937,376
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	312,000,000	312,000,000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,490,008,257	387,000,000	2,877,008,257
Khấu hao trong kỳ	290,593,754	20,000,002	310,593,756
Số cuối kỳ	2,780,602,011	407,000,002	3,187,602,013
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12,966,929,119	25,000,000	12,991,929,119
Số cuối kỳ	12,676,335,365	4,999,998	12,681,335,363
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 11,862,505,558 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

11. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Tồn thất do suy giảm giá trị	Giá trị còn lại
Trung tâm thương mại - Du lịch			
Nha Trang Seafood - F17	184,428,675,042	-	184,428,675,042
Cộng	184,428,675,042	-	184,428,675,042

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	4,660,737,660	125,456,239	-	-	4,786,193,949
- Các công trình vùng nuôi	364,741,290	-	-	-	364,741,290

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:
- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, chiết khấu, mở L/C. Thời hạn vay 01 năm, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ sổ dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
 - Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, chiết khấu, mở L/C với hạn mức dư nợ tối đa là 109,393,000,000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng:
 - + Thế chấp một số công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý thuộc quyền sở hữu của bên vay tại Khu cảng cá Tắc Cậu - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2022/2902985/HĐBD và 05/2022/2902985/HĐBD.
 - + Thế chấp toàn bộ hàng tồn kho và quản lý thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Khu cảng cá Tắc Cậu - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang. Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2022/2902985/HĐBD.
 - + Bên thứ 3 là Ông Ngô Tuấn Kiệt đã thế chấp Quyền sử dụng đất của mình theo các hợp đồng thế chấp:
 - Hợp đồng số 06/2024/2902985/HĐBD. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp là 27,000,000,000 VND.
 - Hợp đồng số 04/2024/2902985/HĐBD. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp là 26,435,000,000 VND.
 - Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 04/07/2024 với giá trị 5,765,000,000 VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:
- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn tối đa là 07 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phần xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT bổ sung vốn lưu động với hạn mức dư nợ tối đa là 70,000,000,000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng:

- + Thẻ chấp toàn bộ hàng tồn kho và quản lý thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Khu cảng cá Tắc Cậu - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang,
- + Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng (xem thuyết minh số V.2, V.3);
- + Bên thứ 3 là Ông Ngô Tuấn Kiệt đã thế chấp Quyền sử dụng đất của mình theo hợp đồng thế chấp số 303/2024/HĐBĐ/NHCT580/KHDNVVN. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp là 82,200,000,000 VND.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, chiết khấu, mở L/C với lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ, quyền tài sản (nợ phải thu) với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng.

(iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại dương – Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ, quyền tài sản (nợ phải thu) với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	406,644,882,685
Số tiền vay trong kỳ	940,503,937,461
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(908,343,006,521)
Chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư cuối kỳ	82,917,316
Số cuối kỳ	438,888,730,941

20b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	105,000,000,000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ⁽ⁱ⁾	-	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱⁱ⁾	-	50,000,000,000
Ông Ngô Tuấn Kiệt ⁽ⁱⁱ⁾	-	40,000,000,000
Cộng	-	105,000,000,000

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	188,000,000,000	19,893,058,029	419,716,696,617	40,117,186,093	667,726,940,739
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	(81,390,037,462)	(10,534,153,958)	(91,924,191,420)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	(347,134,945)	-	(347,134,945)
Thoái vốn công ty con	-	(391,030,365)	1,432,083,085	11,878,947,280	12,920,000,000
Số dư cuối kỳ trước	188,000,000,000	19,502,027,664	339,411,607,295	41,461,979,415	588,375,614,374
Số dư đầu năm nay	188,000,000,000	19,502,027,664	339,411,607,295	41,461,979,415	588,375,614,374
Thoái vốn công ty con	-	(440,552,031)	18,570,573,287	6,907,978,744	25,038,000,000
Trích quỹ trong kỳ	-	-	(312,424,608)	-	(312,424,608)
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	-	(25,297,403,588)	(6,429,192,076)	(31,726,595,664)
Số dư cuối kỳ này	188,000,000,000	19,061,475,633	332,372,352,386	41,940,766,083	581,374,594,102

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, chi tiết cổ đông góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Ngô Tuấn Kiệt	123,304,170,000	103,787,830,000
Bà Đào Thị Minh Hương	18,800,000,000	18,800,000,000
Các cổ đông khác	45,895,830,000	65,412,170,000
Cộng	188,000,000,000	188,000,000,000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,800,000	18,800,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18,800,000	18,800,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,800,000	18,800,000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	6,303,081.03	1,490,493.75
Euro (EUR)	427,063.92	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	262,819,502,068	272,276,254,259	1,094,114,429,528	969,847,968,180
Doanh thu bán hàng hóa	2,104,600,285	137,052,440	2,427,485,823	903,268,472
Doanh thu nhà hàng và cung cấp dịch vụ	5,732,106,413	2,200,965,941	19,822,816,882	15,206,800,463
Cộng	270,656,208,766	274,614,272,640	1,116,364,732,233	985,958,037,115

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chiết khấu thương mại	73,384,054	92,023,385	73,384,054	92,023,385
Hàng bán bị trả lại	-	-	5,259,264,736	4,967,709,012
Cộng	73,384,054	92,023,385	5,332,648,790	5,059,732,397

3. Giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	284,759,116,967	259,467,283,339	1,089,309,361,954	945,724,558,301
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1,925,480,211	57,070,312	2,154,953,363	761,805,515
Giá vốn nhà hàng và cung cấp dịch vụ	1,172,656,143	61,211,475	3,223,189,685	4,478,673,146
Cộng	287,857,253,321	259,585,565,126	1,094,687,505,002	950,965,036,962

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	304,251,707	885,718,896	1,767,635,433	2,527,550,085
Lãi trái phiếu	-	166,000,000	-	166,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10,124,441,153	11,506,279,201	35,980,957,614	30,265,672,107
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	63,115,114,415	1,873,938,151	63,115,114,415	2,501,828,151
Cộng	73,543,867,275	14,431,936,248	100,863,707,462	35,461,050,343

5. Chi phí tài chính

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí lãi vay	6,115,041,231	7,526,774,721	23,661,429,855	23,702,565,502
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2,028,658,725	11,085,957,004	31,052,833,328	27,590,023,943
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1,472,274,418	6,242,333,681	1,472,274,418	6,242,333,681
Phí lưu ký chứng khoán	-	10,800	-	87,722
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	10,084,957,251	18,353,251	10,085,870,451
Cộng	9,615,974,374	34,939,133,457	56,204,890,852	67,620,881,299

6. Chi phí bán hàng

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2,018,922,242	710,136,830	5,503,955,204	4,922,636,140
Chi phí vật liệu, dụng cụ	6,424,999	2,081,879	36,959,996	74,868,904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662,800,550	492,989,729	2,073,664,789	2,279,218,697
Chi phí điện, điện thoại	1,510,215,549	1,508,654,439	5,772,800,185	5,989,484,720
Chi phí vận chuyển quốc tế	2,093,395,123	1,696,907,344	14,881,371,665	6,252,354,178

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí vận chuyển nội địa	2,796,251,587	2,388,181,674	9,561,894,531	9,024,555,177
Chi phí hoa hồng môi giới	1,788,354,153	1,756,419,254	7,018,991,843	5,606,340,030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,257,293,408	1,948,988,009	7,091,236,266	6,280,304,713
Các chi phí khác	1,464,611,108	1,733,392,195	6,739,956,836	5,964,025,376
Cộng	14,598,268,719	12,237,751,353	58,680,831,315	46,393,787,935

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5,789,327,976	5,213,623,424	21,413,605,043	19,738,807,403
Chi phí vật liệu, dụng cụ	69,952,777	104,560,119	354,868,808	311,788,013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	766,770,470	774,940,449	3,088,352,947	3,080,473,396
Thuế, phí và lệ phí	4,019,710,317	932,899,286	6,025,974,545	1,820,477,543
Chi phí pháp lý vụ kiện chống phá giá	100,080,000	-	100,080,000	1,059,229,902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218,671,553	316,699,911	784,016,689	1,157,097,201
Các chi phí khác	4,283,532,256	3,623,618,471	14,391,552,155	11,991,067,927
Cộng	15,248,045,349	10,966,341,660	46,158,450,187	39,158,941,385

8. Thu nhập khác

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	12,882,352,458	-	13,989,591,515	-
Thu nhập từ nghiệp vụ bán công cụ dụng cụ	5,429,344,914	-	5,429,344,914	-
Thu nhập bán phế liệu, vật tư thu hồi	5,772,148	173,745,523	70,528,177	242,079,127
Các khoản thu nhập khác	225,349,900	8,692,590	259,850,223	347,970,998
Cộng	18,542,819,420	182,438,113	19,749,314,829	590,050,125

9. Chi phí khác

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	351,669,361	-	268,617,913
Lỗ thanh lý công cụ dụng cụ	4,333,470,810	-	4,333,470,810	-
Chi phí thiệt hại hàng LP trả về	-	-	19,276,347	644,097,262
Xử lý hàng hủy	401,800	113,916,800	48,543,988	194,097,727
Phạt do vi phạm hành chính	-	-	86,500,000	-
Thuế bị phạt, thuế truy thu, tiền phạt	-	363,085,370	27,558,256	478,057,003
Các chi phí khác	167,770,000	538,706,786	329,029,329	670,640,334

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Cộng	4,501,642,610	1,367,378,317	4,844,378,730	2,255,510,239
10. Lãi cơ bản/ giảm trên cổ phiếu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Năm nay		Năm trước	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(25,297,403,588)		(81,390,037,462)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(312,424,608)		(347,134,945)	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(25,609,828,196)		(81,737,172,407)	
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	18,800,000		18,800,000	
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1,362)		(4,348)	

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về bộ phận**

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất chế biến thủy hải sản trong lãnh thổ Việt Nam.

2. Số liệu so sánh**Các sai sót**

Công ty đã điều chỉnh số liệu (các) năm trước do:

- Bị truy thu, bị phạt theo Quyết định số 1865/QĐ-CTKHHI ngày 31/05/2024 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa
- Tự xác định lại thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2023.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này đến các chỉ tiêu trực tiếp trên Báo cáo tài chính (các) năm trước/kỳ trước như sau:

Đối với Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu ngày 31/12/2023 trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu ngày 31/12/2023 sau điều chỉnh
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	6.057.343.007	(6.524.400)	6.050.818.607
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8.518.912	29.976.260.786	29.984.779.698
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	369.394.392.481	(29.982.785.186)	339.411.607.295

Đối với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm trước không bị ảnh hưởng bởi sai sót này, ảnh hưởng của sai sót đến số liệu các năm trước như sau:

	Năm 2023	Năm 2021
Chỉ tiêu "Chi phí khác" - Mã số 32		
Số liệu trước điều chỉnh		910.458.795
Các điều chỉnh		8.843.921.161
Số liệu sau điều chỉnh		9.754.379.956

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2021</u>
Chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" - Mã số 51		
Số liệu trước điều chỉnh	1.501.801.444	5.005.144.691
Các điều chỉnh	977.637.342	20.161.226.683
Số liệu sau điều chỉnh	2.479.438.786	25.166.371.374
Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" - Mã số 60		
Số liệu trước điều chỉnh	(90.946.554.078)	47.895.274.351
Các điều chỉnh	(977.637.342)	(29.005.147.844)
Số liệu sau điều chỉnh	(91.924.191.420)	18.890.126.507
Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ" - Mã số 61		
Số liệu trước điều chỉnh	(80.412.400.120)	24.870.414.401
Các điều chỉnh	(977.637.342)	(29.005.147.844)
Số liệu sau điều chỉnh	(81.390.037.462)	(4.134.733.443)
Chỉ tiêu "Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu" - Mã số 70 và Mã số 71		
Số liệu trước điều chỉnh	(4.296)	680
Các điều chỉnh	(52)	(1.457)
Số liệu sau điều chỉnh	(4.348)	(777)
Đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất		
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 không bị ảnh hưởng bởi sai sót này, và chỉ ảnh hưởng đến số liệu năm 2021 như sau:		
		<u>Năm 2021</u>
Chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế" - Mã số 01		
Số liệu trước điều chỉnh		53.698.337.393
Các điều chỉnh		(8.843.921.161)
Số liệu sau điều chỉnh		44.854.416.232
Chỉ tiêu "Tăng, giảm các khoản phải trả" - Mã số 11		
Số liệu trước điều chỉnh		59.522.974.845
Các điều chỉnh		8.843.921.161
Số liệu sau điều chỉnh		68.366.896.006

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

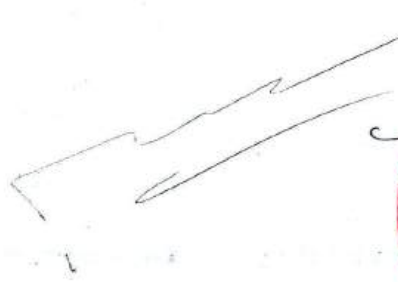
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nha Trang, ngày tháng 01 năm 2025


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng




Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch Hội đồng quản trị